

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/5/2024

Về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Quốc Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Hoa**

Bà **Hà Thị Kim Thu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 693/2023/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 02/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Kim T**, sinh năm 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 7, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tri P**, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 7, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị Kim T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Tri P quen biết nhau là do mai mối, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Mỹ Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

19/4/2012. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng khoảng hơn 03 năm nay thì xảy ra mâu thuẫn do ông P cờ bạc, chửi mắng đánh đập vợ con. Bà T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông P vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, bà Mai Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tri P.

- Về con chung: Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Tri P có 01 người con chung tên Nguyễn Tiến L, sinh ngày 30/4/2013 hiện đang ở với bà T. Sau khi ly hôn bà Mai Thị Kim T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Tri P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Tri P không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo tờ thỏa thuận về việc ly hôn ông Nguyễn Tri P trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Tri P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Mai Thị Kim T, ông không yêu cầu gì khác và không có tranh chấp về tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về thẩm quyền:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của bà Mai Thị Kim T thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Cẩn Đất, xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Mai Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Tri P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. *Về hôn nhân:* Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Tri P là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Mỹ Thuận, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/4/2012. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của bà T và ông P mà bà T đã giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Tri P phát sinh mâu thuẫn do ông P cờ bạc, chửi mắng đánh đập vợ con. Bà T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông P vẫn không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông P để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng ông P đều vắng mặt tuy nhiên ông P có gửi ý kiến về cho Tòa án là đồng ý ly hôn với bà T và bà T cũng xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông P và kiên quyết xin ly hôn. Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà T ly hôn ông P theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3.2]. *Về con chung*: Bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Tri P có 01 người con chung tên Nguyễn Tiến L, sinh ngày 30/4/2013, hiện nay đang ở với bà T. Bà Mai Thị Kim T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Nguyễn Tri P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Nguyễn Tiến L từ trước đến nay đều sống với bà Mai Thị Kim T, do bà Mai Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 24/4/2024 cháu Nguyễn Tiến L có nguyện vọng được sống với mẹ (bà T) khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Giao cháu Nguyễn Tiến L, sinh ngày 30/4/2013 cho bà Mai Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Mai Thị Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Tri P cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4]. *Về tài sản chung*: Bà Mai Thị Kim T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5]. *Về nợ chung*: Bà Mai Thị Kim T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Bà Mai Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho bà Mai Thị Kim T ly hôn với ông Nguyễn Tri P.

2. *Về con chung:* Giao cho bà Mai Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Nguyễn Tiến L, sinh ngày 30/4/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Tri P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tri P có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Mai Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004083 ngày 11/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó bà Mai Thị Kim T không phải nộp thêm.

5/. *Quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Quốc Chiến